

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP NGÀNH Y SĨ TRUNG CẤP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 453 /QĐ-TCYT ngày 15/9 /2020 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Y Dược Tuệ Tĩnh Hà Nội về việc sửa đổi bổ sung chương trình đào tạo)

Tên ngành đào tạo:	Y SĨ TRUNG CẤP
Mã ngành:	5720101
Trình độ đào tạo:	Hệ trung cấp
Hình thức đào tạo:	Chính quy tập trung
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT và tương đương trở lên
Thời gian đào tạo:	2 năm

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo Y sĩ trung cấp có kiến thức và kỹ năng để trở thành người cán bộ y tế tuyến cơ sở; Khám, chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh thường gặp bằng phương pháp Y học hiện đại.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Nắm vững những kiến thức chung về Chính trị, Pháp luật, Ngoại ngữ, Tin học, Giáo dục thể chất và Quốc phòng.
- Nắm vững những kiến thức về khoa học cơ bản và Y học cơ sở như: Giải phẫu -Sinh lý, Vi sinh vật - kí sinh trùng, Dược lý, Bệnh học Y học hiện đại, Kỹ thuật điều dưỡng, Cấp cứu.
- Nắm vững được những kiến thức thuộc về chuyên môn nghiệp vụ y học cổ truyền bao gồm: Lý luận y học cổ truyền, Đông dược và Bào chế đông dược, Bệnh học y học cổ truyền, Bài thuốc cổ phương, các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc của y học cổ truyền như: Châm cứu, Xoa bóp bấm huyệt dưỡng sinh.
- Làm thành thạo các kỹ năng kê đơn bốc thuốc, châm cứu, xoa bóp bấm huyệt chữa các bệnh thường gặp ở các tuyến cơ sở. Biết xử trí các cấp cứu thông thường và định hướng chuyển bệnh nhân lên các tuyến trên.
- Biết làm tốt công tác vệ sinh phòng bệnh, truyền thông giáo dục sức khỏe, tổ chức và quản lý công tác y tế ở tuyến cơ sở.
- Tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học, cần cù, cẩn trọng, trung thực trong nghề nghiệp.
- Ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc chuyên môn và thái độ phục vụ người bệnh ân cần, chu đáo, thực hiện lời dạy của Bác Hồ. “Thầy thuốc phải như mẹ hiền”.
- Đạo đức tốt, không ngừng trau dồi y đức và có lối sống lành mạnh.
- Giác ngộ chính trị, trung thành với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp của nhà nước và nghĩa vụ trách nhiệm công dân.
- Đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

12.1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp.

13. - Người có bằng tốt nghiệp Y sỹ Y học cổ truyền được tuyển dụng làm việc tại trạm y tế xã, phường, bệnh viện y học cổ truyền, khoa y học cổ truyền các bệnh viện đa khoa.
14. - Người y sỹ Y học cổ truyền nếu có nguyện vọng và đủ tiêu chuẩn có thể được đào tạo thành bác sỹ Y học cổ truyền theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tạo và Bộ Y tế.
15. - Người y sỹ Y học cổ truyền đã có giấy phép hành nghề được phép hoạt động tại phòng chẩn trị Y học cổ truyền theo quy định hiện hành.

16.2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

17. - Số lượng môn học, mô đun: **23** môn học.
18. - Khối lượng kiến thức toàn khóa: **98** tín chỉ.
19. - Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học : **2380 giờ** (bao gồm phần kiến thức tại trường và thực tập bệnh viện và các cơ sở y tế).
20. - Khối lượng các môn học chung/đại cương: **255 giờ**
21. - Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: **1085 giờ**
22. - Khối lượng lý thuyết: **891 giờ**; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1399 giờ**;

1. Về kiến thức

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về:
 - + Cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người.
 - + Sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.
- Trình bày được những nguyên tắc cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh thông thường.
- Trình bày được Luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2. Về kỹ năng

- Thực hiện được việc thăm, khám và chữa một số bệnh, chứng bệnh thông thường.
- Phát hiện sớm và xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu tại tuyến y tế cơ sở.
- Làm được một số thủ thuật theo quy định của Bộ Y tế, chăm sóc bệnh nhân tại nhà và phục hồi chức năng tại cộng đồng.
- Chuyển tuyến trên kịp thời các bệnh vượt quá quy định và khả năng giải quyết ở tuyến y tế cơ sở.
- Tổ chức quản lý và thực hiện các chương trình y tế quốc gia, phát hiện dịch bệnh sớm, lập kế hoạch, triển khai thực hiện phòng bệnh và chống dịch.
- Truyền thông giáo dục sức khỏe; phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, vận động cộng đồng cùng tham gia giải quyết những vấn đề sức khỏe ở tuyến y tế cơ sở.
- Quản lý trạm y tế xã.

3. Về thái độ

- Thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

- Có ý thức học hỏi và vươn lên.

III. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khối lượng kiến thức, kỹ năng tối thiểu và thời gian đào tạo:

Tổng số khối lượng học tập: 98 đơn vị học trình.

Thời gian đào tạo: 2 năm (24 tháng)

2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo:

TT	Nội dung	Số đơn vị học trình	Số tiết (Số giờ)	Số tuần
1	Các học phần chung	20	435 tiết	
2	Các học phần cơ sở	23	390 tiết	
3	Các học phần chuyên môn	36	585 tiết	
4	Thực tập cơ bản (thực tập lâm sàng và cộng đồng)	16	880 giờ	22
5	Thực tập tốt nghiệp	3	200 giờ	5
	Cộng	98		

3. Các học phần của chương trình và thời lượng

TT	Tên học phần	Số đơn vị học trình			Số Tiết		
		Tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
I	Các học phần chung	20	15	5	420	230	190
<i>A</i>	<i>Học phần bắt buộc</i>	<i>20</i>	<i>15</i>	<i>5</i>	<i>390</i>	<i>200</i>	<i>190</i>
1	Chính trị	30	15	13	75	55	20
2	Ngoại ngữ	5	4	1	90	60	30
3	Tin học	3	2	1	60	30	30
4	Giáo dục thể chất	2	1	1	60	15	45
5	Giáo dục quốc phòng - an ninh	3	2	1	75	30	45
6	Pháp luật	2	2	0	30	30	0
<i>B</i>	<i>Học phần tự chọn</i>	<i>2</i>	<i>2</i>	<i>0</i>	<i>30</i>	<i>30</i>	<i>0</i>
II	Các học phần cơ sở	23	19	4	405	285	120
1	Giải phẫu sinh lý	5	4	1	90	60	30
2	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	2	0	30	30	0

TT	Tên học phần	Số đơn vị học trình			Số Tiết		
		Tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
3	Dược lý	3	2	1	60	30	30
4	Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	2	0	30	30	0
5	Vệ sinh phòng bệnh	2	2	0	30	30	0
6	Kỹ năng giao tiếp - giáo dục sức khỏe	4	3	1	75	45	30
7	Quản lý và tổ chức y tế	2	2	0	30	30	0
8	Điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng	3	2	1	60	30	30
III	Các học phần chuyên môn	36	33	3	585	495	90
1	Bệnh Nội khoa	5	5	0	75	75	0
2	Bệnh Ngoại khoa	4	4	0	60	60	0
3	Sức khỏe trẻ em	5	5	0	75	75	0
4	Sức khỏe sinh sản	5	4	1	90	60	30
5	Bệnh truyền nhiễm, xã hội	5	5	0	75	75	0
6	Bệnh chuyên khoa	4	4	0	60	60	0
7	Y tế cộng đồng	3	2	1	60	30	30
8	Y học cổ truyền	3	2	1	60	30	30
9	Phục hồi chức năng	2	2	0	30	30	0
		Số đơn vị học trình			Số tuần		
IV	Thực tập cơ bản (thực tập lâm sàng và cộng đồng):	16	0	16	22		22
1	Thực tập lâm sàng Điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng				2		2
2	Thực tập lâm sàng Nội khoa				4		4
3	Thực tập lâm sàng Ngoại khoa				4		4
4	Thực tập lâm sàng Sản phụ khoa				2		2
5	Thực tập lâm sàng Nhi khoa				4		4
6	Thực tập lâm sàng Truyền nhiễm				2		2
7	Thực tập lâm sàng Y học cổ truyền				2		2
8	Thực tập cộng đồng				2		2
V	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3	5		5
	Cộng	98	68	30			
5	Thực tập lâm sàng Nhi khoa				4		4
6	Thực tập lâm sàng Truyền nhiễm				2		2
7	Thực tập lâm sàng Y học cổ truyền				2		2
8	Thực tập cộng đồng				2		2
V	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3	5		5
	Cộng	98	68	30			

IV. THI TỐT NGHIỆP

TT	Môn thi, Hình thức thi , Thời gian
1	<p>Lý thuyết tổng hợp:</p> <p>2.1- Các học phần cơ sở:</p> <ul style="list-style-type: none">- Giải phẫu sinh lý- Dược lý <p>2.2- Các học phần chuyên môn:</p> <ul style="list-style-type: none">- Bệnh học Nội khoa- Bệnh học Ngoại khoa- Sức khoẻ trẻ em- Sức khoẻ sinh sản- Bệnh truyền nhiễm, xã hội
2	<p>Thực hành nghề nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Thời gian: 30 phút/học sinh+ Hình thức: Thực hành + Hỏi vấn đáp+ Nội dung: Kỹ năng làm Bệnh án, khám chữa bệnh trên bệnh nhân; Thực hành các kỹ năng khám bệnh hệ Tuần hoàn, Hô hấp, Tiêu hoá, Tiết niệu, Thần kinh, Cơ Xương khớp.